

TCVN

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN ISO 14004 : 1997

ISO 14004 : 1996

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG –
HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC,
HỆ THỐNG VÀ KỸ THUẬT HỖ TRỢ**

Environmental management system –

General guidelines on principles, systems and supporting techniques

HÀ NỘI – 1997

MỤC LỤC

	Trang
• Lời nói đầu	4
0 Lời giới thiệu	5
1 Phạm vi	9
2 Tiêu chuẩn trích dẫn	9
3 Định nghĩa	9
4 Nguyên tắc và yếu tố của hệ thống quản lý môi trường (HTQLMT).....	12
4.1 Cam kết và chính sách	14
4.1.1 Khái quát	14
4.1.2 Sự cam kết và chỉ đạo của lãnh đạo cao nhất	14
4.1.3 Xem xét ban đầu về môi trường	14
4.1.4 Chính sách môi trường	16
4.2 Lập kế hoạch	17
4.2.1 Khái quát	17
4.2.2 Xác định các khía cạnh môi trường và việc đánh giá các tác động môi trường kèm theo.....	18
4.2.3 Yêu cầu về pháp luật và các yêu cầu khác	20
4.2.4 Chuẩn cứ kết quả hoạt động nội bộ	21
4.2.5 Mục tiêu và chỉ tiêu môi trường	22
4.2.6 Chương trình quản lý môi trường	24
4.3 Thực hiện	25
4.3.1 Khái quát	25
4.3.2 Đảm bảo năng lực	26
4.3.2.1 Nguồn lực – nhân lực, vật chất và tài chính	26
4.3.2.2 Sự hoà hợp và hợp nhất của hệ thống quản lý môi trường	26
4.3.2.3 Bốn phận và trách nhiệm	27

4.3.2.4	Ý thức và động cơ về môi trường	29
4.3.2.5	Kiến thức, kỹ năng và đào tạo	29
4.3.3	Hành động hỗ trợ	31
4.3.3.1	Thông tin liên lạc và báo cáo	31
4.3.3.2	Lập văn bản của hệ thống quản lý môi trường	33
4.3.3.3	Kiểm soát điều hành	34
4.3.3.4	Sự chuẩn bị sẵn sàng và đáp ứng với tình trạng khẩn cấp	35
4.4	Đo và đánh giá	36
4.4.1	Khái quát	36
4.4.2	Đo và giám sát (kết quả hoạt động liên tục)	37
4.4.3	Hành động khắc phục và phòng ngừa	37
4.4.4	Quản lý hồ sơ và thông tin của hệ thống quản lý môi trường	37
4.4.5	Đánh giá hệ thống quản lý môi trường	38
4.5	Xem xét lại và cải tiến	39
4.5.1	Khái quát	39
4.5.2	Xem xét lại hệ thống quản lý môi trường	39
4.5.3	Cải tiến liên tục	40
Phụ lục A	Ví dụ về các nguyên tắc hướng dẫn môi trường của quốc tế.....	41
Phụ lục B	Tài liệu tham khảo	49

Lời nói đầu

TCVN ISO 14004 : 1997 hoàn toàn tương đương với ISO 14004 : 1996.

TCVN ISO 14004 : 1997 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 207 Quản lý môi trường biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.

0 Lời giới thiệu

0.1 Tổng quan

Khi sự quan tâm đến việc giữ gìn và nâng cao chất lượng môi trường tăng lên, và để bảo vệ sức khỏe con người, thì các tổ chức với mọi quy mô cũng ngày càng chú ý đến các tác động tiềm tàng của những hoạt động sản phẩm và dịch vụ của họ. Kết quả thực hiện về môi trường của một tổ chức có một tầm quan trọng ngày càng tăng đối với các bên hữu quan ở trong và ngoài tổ chức. Để đạt kết quả thực hiện về môi trường hợp lý đòi hỏi sự cam kết của tổ chức phải theo một cách tiếp cận có hệ thống và có sự cải tiến liên tục Hệ thống quản lý môi trường của mình.

Mục đích chính của tiêu chuẩn này là hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện hoặc cải tiến một hệ thống quản lý môi trường (HTQLMT). Mục đích này phù hợp với nguyên lý phát triển bền vững, và thích hợp với mọi cơ cấu văn hoá, xã hội và tổ chức.

Chỉ TCVN ISO 14001 : 1997 bao gồm các yêu cầu có thể đánh giá được một cách khách quan để chứng nhận phù hợp và đăng ký, hoặc để tự công bố. TCVN ISO 14004 bao gồm các ví dụ, mô tả và sự lựa chọn mà những nội dung này giúp cho việc áp dụng một hệ thống quản lý môi trường và tăng cường mối quan hệ của HTQLMT với sự quản lý toàn bộ của tổ chức.

HTQLMT để ra trình tự và sự nhất quán đối với các vấn đề liên quan đến môi trường của tổ chức thông qua việc phân bổ các nguồn lực, xác định trách nhiệm và đánh giá tiếp theo phương pháp thực hành, thủ tục và các quá trình.

Tiêu chuẩn này xem xét các yếu tố của một HTQLMT và đưa ra chỉ dẫn thực tế về thực hiện hoặc tăng cường hệ thống này. Tiêu chuẩn này cũng cung cấp cho các tổ chức những chỉ dẫn làm sao để xương, cải tiến hoặc duy trì có hiệu quả một HTQLMT. Một hệ thống như vậy là thiết yếu để tổ chức dự báo và đáp ứng được những mục tiêu về môi trường và đảm bảo sự phù hợp liên tục với các yêu cầu quốc gia và/ hoặc quốc tế.

Quản lý môi trường là một phần cấu thành của hệ thống quản lý toàn diện của một tổ chức. Việc thiết kế một HTQLMT là một quá trình liên tục tác động qua lại. Cơ cấu, trách nhiệm, quy tắc, thủ tục, quá trình và nguồn lực để thực hiện các chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu về môi trường phải được phối hợp với các nỗ lực hiện có trong các lĩnh vực khác (ví dụ: điều hành, tài chính, chất lượng, sức khỏe và an toàn lao động).

Các nguyên tắc then chốt cho các nhà quản lý thực hiện hay tăng cường một HTQLMT, bao gồm, (nhưng không hạn chế) ở các điểm sau:

- công nhận việc quản lý môi trường là một trong số các ưu tiên phối hợp cao nhất;
- thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các bộ phận có liên quan bên trong và bên ngoài tổ chức;
- xác định các yêu cầu về pháp luật và các khía cạnh về môi trường có liên quan tới các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của tổ chức;
- xây dựng sự cam kết của lãnh đạo và nhân viên đối với việc bảo vệ môi trường, với sự phân công rõ ràng về trách nhiệm và phạm vi;
- khuyến khích việc lập kế hoạch môi trường cho suốt chu trình sống của sản phẩm hoặc quá trình;
- thiết lập một quá trình để đạt được mức kết quả hoạt động đã đề ra;
- cung cấp các nguồn lực thích hợp và đầy đủ, bao gồm cả đào tạo, để liên tục đạt được các mức kết quả hoạt động đã đề ra;
- đánh giá kết quả hoạt động về môi trường theo các chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu của tổ chức và tìm kiếm sự cải tiến khi cần thiết;
- thiết lập một quá trình quản lý để xem xét và đánh giá HTQLMT và nhằm xác định các cơ hội cải tiến hệ thống và kết quả hoạt động về môi trường đạt được;
- khuyến khích các nhà thầu và nhà cung cấp thiết lập một HTQLMT.

Các tổ chức có thể cân nhắc đến những cách thức sử dụng khác nhau sau đây của các tiêu chuẩn quốc tế về HTQLMT

- sử dụng TCVN ISO 14001 : 1997, Hệ thống quản lý môi trường – Quy định với hướng dẫn sử dụng nhằm đạt được chứng nhận/đăng ký của bên thứ ba hoặc tự công bố về hệ thống quản lý môi trường của tổ chức
- sử dụng tiêu chuẩn này hay các phần của nó để bắt đầu và/hoặc cải tiến HTQLMT của mình. Tiêu chuẩn này không nhằm mục đích chứng nhận/đăng ký;
- sử dụng tiêu chuẩn này làm bản hướng dẫn hoặc sử dụng TCVN ISO 14001: 1997 làm quy định cho việc công nhận của bên thứ hai giữa các bên ký hợp đồng là có thể phù hợp cho một số mối quan hệ kinh doanh;
- sử dụng các tài liệu và tiêu chuẩn có liên quan.

Việc lựa chọn sẽ phụ thuộc vào các yếu tố như :

- chính sách của tổ chức;

- mức độ trưởng thành của tổ chức, liệu sự quản lý theo hệ thống của tổ chức đã sẵn sàng chưa để có thể tạo điều kiện cho việc đưa quản lý môi trường theo hệ thống vào áp dụng;
- lợi và bất lợi có thể có do chịu ảnh hưởng của những vấn đề như vị trí ở thị trường, uy tín hiện có, các quan hệ với bên ngoài, và;
- quy mô của tổ chức.

Các tổ chức với bất kỳ quy mô nào đều có thể sử dụng tiêu chuẩn này. Tuy nhiên, tầm quan trọng của các xí nghiệp vừa và nhỏ đang ngày càng được các chính phủ và giới kinh doanh công nhận. Tiêu chuẩn này có chú ý đến và đáp ứng các nhu cầu của xí nghiệp vừa và nhỏ.

0.2 Lợi ích khi có HTQLMT

Tổ chức cần thực hiện một HTQLMT có hiệu quả nhằm giúp bảo vệ sức khỏe con người và môi trường khỏi các tác động tiềm ẩn của những hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của mình và nhằm giúp cho việc duy trì và cải thiện chất lượng môi trường.

Việc có HTQLMT có thể giúp cho tổ chức tạo được lòng tin với các bên hữu quan của mình, vì rằng:

- hiện có cam kết của lãnh đạo để đáp ứng các điều khoản của chính sách, mục đích và mục tiêu của tổ chức;
- chú trọng vào phòng ngừa hơn là khắc phục;
- có thể đưa ra được chứng cứ về sự quan tâm hợp lý và sự phù hợp với quy định, và;
- thiết kế của hệ thống kết hợp chặt chẽ với quá trình cải tiến liên tục.

Một tổ chức mà hệ thống quản lý của nó kết hợp với HTQLMT thì tạo ra một cơ cấu nhằm cân bằng và hợp nhất các lợi ích kinh tế và môi trường. Một tổ chức đã thực hiện HTQLMT thì có thể đạt được một lợi thế cạnh tranh đáng kể.

Có thể thu được những lợi ích kinh tế do thực hiện HTQLMT. Những lợi ích này cần phải được xác định nhằm chứng minh cho các bên hữu quan, đặc biệt là những người góp cổ phần, biết là tổ chức có sự quản lý tốt môi trường. Nó cũng tạo cho tổ chức một cơ hội để gán các mục đích và chỉ tiêu về môi trường với các chi phí tài chính cụ thể, và do vậy đảm bảo rằng các nguồn lực sẽ được có sẵn một khi chúng mang lại lợi ích lớn nhất về cả tài chính lẫn môi trường.

Những lợi ích tiềm tàng gắn liền với HTQLMT có hiệu quả, bao gồm :

- đảm bảo cho khách hàng những cam kết về quản lý môi trường ;
- duy trì tốt được những quan hệ quần chúng/ cộng đồng;

- thoả mãn chuẩn cứ của người đầu tư và cải tiến sự tiếp cận với vốn;
- có được hợp đồng bảo hiểm với chi phí hợp lý;
- nâng cao uy tín và thị phần
- đáp ứng được chuẩn cứ chứng nhận của người cung cấp;
- cải tiến việc kiểm soát chi phí;
- hạn chế được các rắc rối về pháp lý;
- chứng tỏ được sự quan tâm hợp lý;
- bảo toàn được vật liệu và năng lượng nhập vào;
- tạo thuận lợi cho việc xin giấy phép và uỷ quyền;
- tăng cường sự phát triển và chia sẻ các giải pháp về môi trường;
- cải thiện các mối quan hệ giữa công nghiệp – chính phủ.

Hệ thống quản lý môi trường - Hướng dẫn chung về nguyên tắc, hệ thống và kỹ thuật hỗ trợ

Environmental management systems – General guidelines on principles, systems and supporting techniques

1 Phạm vi

Tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn về xây dựng và thực hiện các hệ thống và nguyên tắc quản lý môi trường, và phối hợp chúng với các hệ thống quản lý khác.

Những hướng dẫn trong tiêu chuẩn này có thể áp dụng được cho mọi tổ chức với bất kể quy mô, loại hình hoặc mức độ tuân thủ, có quan tâm đến việc xây dựng, thực hiện và/hoặc cải tiến hệ thống quản lý môi trường (HTQLMT).

Những hướng dẫn này sử dụng để làm công cụ quản lý nội bộ, tự nguyện và không nhằm để dùng làm chuẩn cứ để chứng nhận/đăng ký HTQLMT.

2 Tiêu chuẩn trích dẫn

Hiện nay không có tiêu chuẩn trích dẫn.

3 Định nghĩa

Các định nghĩa sau đây được áp dụng cho mục đích của tiêu chuẩn này:

3.1 Cải tiến liên tục

Quá trình tăng cường HTQLMT để đạt được những cải tiến trong kết quả hoạt động tổng thể về môi trường, phù hợp với chính sách môi trường của tổ chức.

Chú thích – Quá trình này không nhất thiết phải được tiến hành đồng thời ở tất cả các lĩnh vực hoạt động

3.2 Môi trường

Những thứ bao quanh nơi hoạt động của một tổ chức bao gồm không khí, nước, đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thực vật, hệ động vật, con người và các mối quan hệ qua lại của chúng.

Chú thích – Những thứ bao quanh nói đến ở đây mở rộng từ nội bộ một tổ chức tới hệ thống toàn cầu.

3.3 Khía cạnh môi trường

Yếu tố của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của một tổ chức có thể tác động qua lại với môi trường.

Chú thích – Khía cạnh môi trường đáng kể là một khía cạnh có hoặc có thể gây tác động môi trường đáng kể.

3.4 Tác động môi trường

Bất kỳ một sự thay đổi nào gây ra cho môi trường, dù là có hại hoặc có lợi, toàn bộ hoặc từng phần do các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của một tổ chức gây ra.

3.5 Hệ thống quản lý môi trường

Một phần của hệ thống quản lý chung bao gồm cơ cấu tổ chức, các hoạt động lập kế hoạch, trách nhiệm, phương pháp thực hành, thủ tục, quá trình và nguồn lực để xây dựng, thực hiện, đạt được, xem xét lại và duy trì chính sách môi trường.

3.6 Đánh giá hệ thống quản lý môi trường

Quá trình kiểm tra xác nhận một cách có hệ thống và được lập thành văn bản để có được các chứng cứ và đánh giá một cách khách quan các chứng cứ nhằm xác định xem HTQLMT của tổ chức có phù hợp với chuẩn cứ đánh giá HTQLMT do tổ chức lập ra hay không, và thông báo kết quả của quá trình này cho lãnh đạo.

3.7 Mục tiêu môi trường

Mục đích tổng thể về môi trường, xuất phát từ chính sách môi trường mà tổ chức tự đặt ra để đạt tới, và được lượng hóa khi có thể.

3.8 Kết quả hoạt động môi trường

Các kết quả có thể đo được của HTQLMT, liên quan đến sự kiểm soát các khía cạnh môi trường của tổ chức, dựa trên chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của mình.

3.9 Chính sách môi trường

Tuyên bố của tổ chức về ý định và nguyên tắc liên quan đến kết quả hoạt động tổng thể về môi trường của mình, tạo ra khuôn khổ cho các hành động và cho việc đề ra các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của mình.

3.10 Chỉ tiêu môi trường

Yêu cầu chi tiết về kết quả hoạt động, lượng hoá được khi có thể, áp dụng cho tổ chức hoặc các bộ phận của nó, yêu cầu này xuất phát từ các mục tiêu môi trường và cần phải đề ra và đáp ứng nhằm đạt được những mục tiêu đó.

3.11 Bên hữu quan

Cá nhân hoặc nhóm liên quan đến hoặc bị ảnh hưởng bởi kết quả hoạt động về môi trường của một tổ chức.

3.12 Tổ chức

Công ty, liên hợp công ty, hãng, xí nghiệp, cơ quan hoặc một bộ phận của nó, dù là tổ hợp hay không, nhà nước hoặc tư nhân, có các bộ phận chức năng và quản trị riêng của mình.

Chú thích – Với các tổ chức có nhiều đơn vị hoạt động, thì một đơn vị hoạt động riêng rẽ có thể được định nghĩa là một tổ chức.

3.13 Ngăn ngừa ô nhiễm

Sử dụng các quá trình, các phương pháp thực hành, vật liệu hoặc sản phẩm để tránh, giảm bớt hay kiểm soát ô nhiễm; hoạt động này có thể bao gồm tái chế, xử lý, thay đổi quá trình, cơ chế kiểm soát, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên và thay thế vật liệu.

TCVN ISO 14004 : 1997

Chú thích – Lợi ích tiềm tàng của ngăn ngừa ô nhiễm bao gồm việc giảm bớt các tác động môi trường bất lợi, tăng hiệu quả và giảm chi phí.

4 Nguyên tắc và yếu tố của Hệ thống quản lý môi trường (HTQLMT)

Mô hình HTQLMT (xem hình 1) theo quan điểm cơ bản của tổ chức, dựa trên các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 1 – Cam kết và chính sách

Tổ chức cần phải định ra chính sách môi trường và đảm bảo sự cam kết về HTQLMT của mình.

Nguyên tắc 2 – Lập kế hoạch

Tổ chức phải đề ra kế hoạch để thực hiện chính sách môi trường của mình.

Nguyên tắc 3 – Thực hiện

Để thực hiện có hiệu quả, tổ chức phải phát triển khả năng và cơ chế hỗ trợ cần thiết để đạt được chính sách, mục tiêu, và chỉ tiêu môi trường của mình.

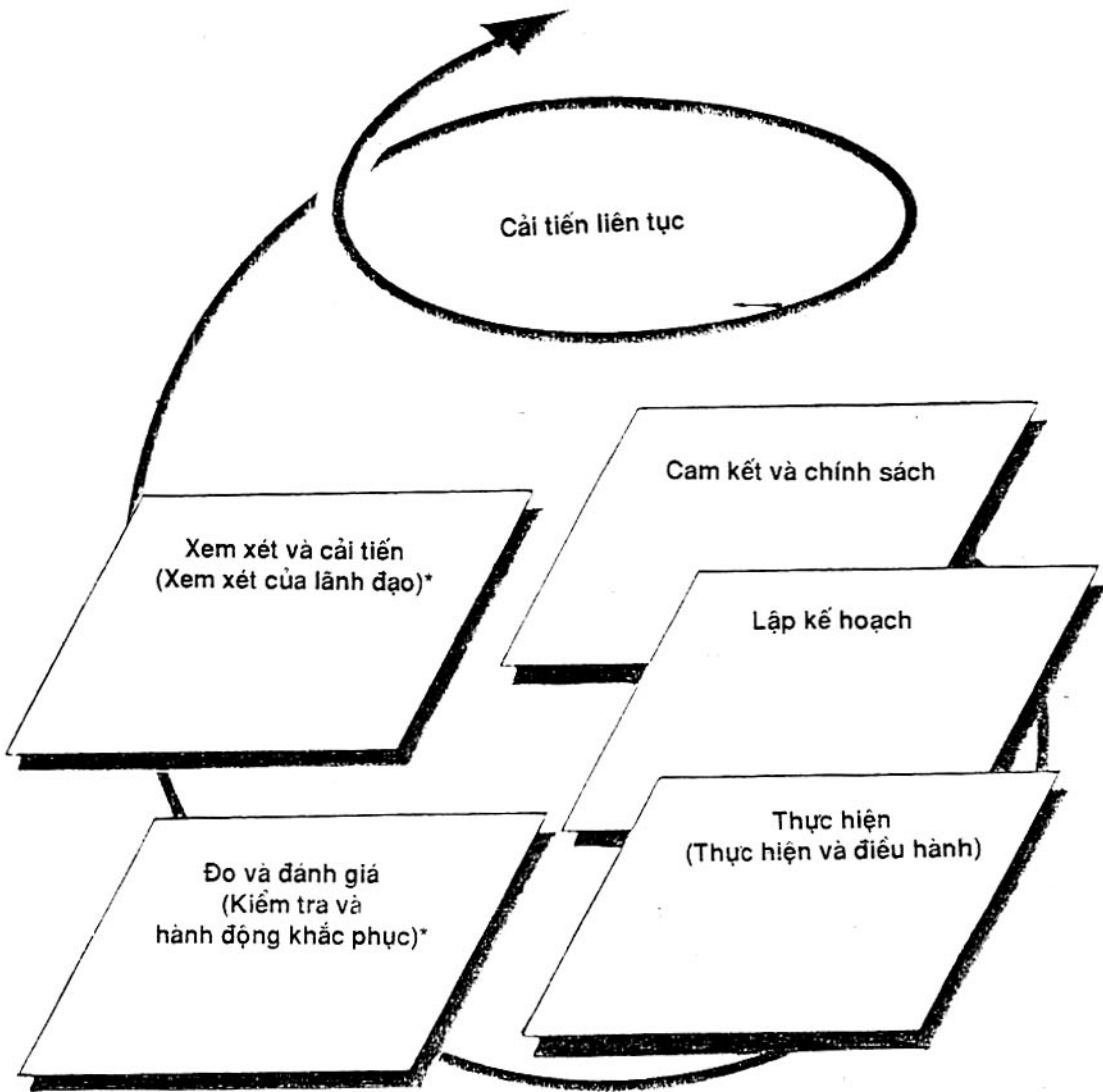
Nguyên tắc 4 – Đo và đánh giá

Tổ chức phải đo, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động môi trường của mình.

Nguyên tắc 5 – Xem xét và cải tiến

Tổ chức phải xem xét lại và cải tiến liên tục HTQLMT, nhằm cải thiện kết quả hoạt động tổng thể về môi trường của mình.

Với nguyên tắc này, nên coi HTQLMT là cơ cấu tổ chức cần được giám sát liên tục và xem xét định kỳ để có được một phương hướng có hiệu quả cho các hoạt động môi trường của tổ chức, đáp ứng những yếu tố thay đổi bên trong và bên ngoài. Mỗi cá nhân trong tổ chức phải có trách nhiệm cải thiện môi trường.



* Thuật ngữ sử dụng trong ISO 14001

Hình 1 – Mô hình hệ thống quản lý môi trường

4.1 Cam kết và chính sách

Nguyên tắc 1 – Cam kết và chính sách

Tổ chức cần phải định ra chính sách môi trường và đảm bảo sự cam kết về HTQLMT của mình.

4.1.1 Khái quát

Tổ chức cần phải bắt đầu ở chỗ có lợi rõ ràng, ví dụ như tập trung vào sự chấp hành pháp luật, giới hạn trách nhiệm pháp lý hoặc sử dụng vật liệu có hiệu quả hơn.

Khi tổ chức có kinh nghiệm hơn, và HTQLMT bắt đầu hình thành, có thể áp dụng các thủ tục, chương trình và công nghệ để cải tiến hơn nữa kết quả hoạt động môi trường. Sau đó, khi HTQLMT hoạt động có nề nếp, có thể kết hợp các vấn đề về môi trường với toàn bộ các quyết định kinh doanh.

4.1.2 Sự cam kết và chỉ đạo của lãnh đạo cao nhất

Để đảm bảo thành công, bước đầu tiên trong việc xây dựng hoặc cải tiến HTQLMT, là sự cam kết của lãnh đạo cao nhất để cải tiến quản lý môi trường trong các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức. Sự cam kết và chỉ đạo liên tục của lãnh đạo cao nhất là cốt yếu.

4.1.3 Xem xét ban đầu về môi trường

Hiện trạng môi trường của một tổ chức có thể được lập ra bằng việc xem xét ban đầu về môi trường. Việc xem xét này có thể bao gồm những lĩnh vực sau:

- xác định các yêu cầu pháp luật;
- xác định các khía cạnh môi trường của các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức để xem các khía cạnh nói trên có hoặc có thể có các tác động đáng kể về môi trường không và xác định trách nhiệm pháp lý;
- đánh giá kết quả hoạt động so với chuẩn cứ nội bộ, tiêu chuẩn bên ngoài, quy định, quy phạm và với các nguyên tắc và hướng dẫn tương ứng;
- các phương pháp thực hành và thủ tục quản lý môi trường hiện hành;
- xác định các chính sách và thủ tục hiện hành liên quan đến các hoạt động đặt mua và ký kết hợp đồng;
- phân hồi từ việc điều tra các vụ việc không phù hợp trước đây;
- cơ hội cho lợi thế cạnh tranh;
- quan điểm của các bên hữu quan, và;
- chức năng hoặc hoạt động của các hệ thống tổ chức khác có thể ảnh hưởng thuận lợi hoặc bất lợi đến kết quả hoạt động môi trường.

Trong mọi trường hợp, phải xem xét tất cả các điều kiện hoạt động, bao gồm cả những rắc rối có thể có và các trường hợp khẩn cấp.

Quá trình và kết quả của việc xem xét ban đầu về môi trường phải được lập thành văn bản và phải được xác định các cơ hội triển khai HTQLMT.

Hỗ trợ thực hành – Xem xét ban đầu về môi trường

Bước quan trọng đầu tiên là lập danh sách các lĩnh vực cần được xem xét. Vấn đề này có thể bao gồm các hoạt động của tổ chức, những hoạt động hoặc địa điểm riêng biệt

Các phương pháp thông dụng để tiến hành xem xét, bao gồm :

- bản câu hỏi;
- phỏng vấn;
- phiếu kiểm tra;
- kiểm tra và đo trực tiếp;
- xem xét hồ sơ;
- so sánh với chuẩn mực ¹⁾

Các tổ chức, kể cả các xí nghiệp vừa và nhỏ, có thể tham khảo ý kiến một số nguồn ở ngoài như :

- cơ quan Chính phủ liên quan đến luật lệ và giấy phép;
- thư viện hay cơ sở dữ liệu địa phương hoặc vùng;
- tổ chức khác để trao đổi thông tin;
- hội công nghiệp;
- tổ chức có nhiều khách hàng hơn;
- nhà chế tạo thiết bị đang được sử dụng;
- quan hệ kinh doanh (ví dụ, với những người vận chuyển và xử lý chất thải);
- hỗ trợ chuyên môn.

¹⁾ So sánh với chuẩn mực là kỹ thuật nghiên cứu thực hành tốt nhất đang có trong tổ chức, hoặc của một tổ chức cạnh tranh với mình, hoặc có trong một ngành công nghiệp khác, để tổ chức có thể chấp nhận hoặc cải tiến nó.

4.1.4 Chính sách môi trường

Chính sách môi trường để ra đường lối tổng thể và xác lập các nguyên tắc hành động cho một tổ chức. Nó để ra mục tiêu về mức độ trách nhiệm và kết quả hoạt động môi trường mà tổ chức cần có, làm cơ sở để phán xét các hoạt động sau này.

Ngày càng có nhiều các tổ chức quốc tế bao gồm cả các tổ chức chính phủ, hội công nghiệp và nhóm công dân tham gia xây dựng các nguyên tắc chỉ đạo (xem 2 ví dụ phụ lục A). Các nguyên tắc chỉ đạo đó đã giúp cho các tổ chức định ra phạm vi chung các cam kết của họ về môi trường. Chúng cũng giúp cho các tổ chức khác nhau có một tập hợp về giá trị chung để đánh giá. Các nguyên tắc chỉ đạo như thế có thể giúp cho tổ chức xây dựng chính sách riêng của mình.

Lãnh đạo cao nhất của tổ chức chịu trách nhiệm để ra chính sách môi trường. Ban lãnh đạo của tổ chức chịu trách nhiệm thi hành chính sách và cung cấp đầu vào cho việc hình thành và sửa đổi chính sách.

Chính sách môi trường phải xét đến các nội dung sau:

- nhiệm vụ, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và niềm tin của tổ chức ;
- các yêu cầu và việc trao đổi thông tin với các bên hữu quan;
- sự cải tiến liên tục;
- sự ngăn ngừa ô nhiễm ;
- các nguyên tắc chỉ đạo;
- sự phối hợp với các chính sách khác của tổ chức (ví dụ về chất lượng, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp);
- điều kiện đặc thù của địa phương hoặc vùng, và
- sự phù hợp với các quy định, luật lệ và các chuẩn cứ tương ứng khác về môi trường mà tổ chức phải chấp hành;

Một số vấn đề cần được xem xét trong chính sách môi trường

- 1 Tổ chức có chính sách môi trường tương ứng với các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của mình không ?
- 2 Chính sách đó có phản ánh được các giá trị và nguyên tắc chỉ đạo của tổ chức không?
- 3 Chính sách môi trường đã được lãnh đạo cao nhất phê duyệt chưa và đã có ai được chỉ định và được giao thẩm quyền giám sát và áp dụng chính sách đó không ?
- 4 Chính sách đó có hướng dẫn việc thiết lập các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường không ?
- 5 Chính sách đó có hướng dẫn cho tổ chức giám sát công nghệ thích hợp và thực tiễn quản lý không ?
- 6 Những cam kết nào được thể hiện trong chính sách môi trường, ví dụ như trợ giúp cho cải tiến liên tục, trợ giúp cho ngăn ngừa ô nhiễm, giám sát, đáp ứng hoặc vượt quá các yêu cầu pháp lý, và nghiên cứu nguyên vọng của các bên hữu quan với tổ chức ?

Hỗ trợ thực hành – Chính sách môi trường

Tất cả các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đều có thể gây ra các tác động đối với môi trường. Chính sách môi trường cần phải nhận thấy điều này.

Xem xét chi tiết các nguyên tắc chỉ đạo ở phụ lục A có thể giúp thảo ra một chính sách thích hợp. Các vấn đề nêu trong chính sách phụ thuộc vào bản chất của tổ chức. Ngoài sự phù hợp với các điều lệ về môi trường, chính sách có thể công bố cam kết để :

- giảm thiểu mọi tác động xấu đáng kể của những phát triển mới đến môi trường bằng cách sử dụng các thủ tục và lập kế hoạch quản lý môi trường tổng hợp;
- xây dựng các thủ tục đánh giá kết quả hoạt động về môi trường và các chỉ báo kèm theo;
- quan tâm đến chu trình sống của sản phẩm;
- thiết kế sản phẩm sao cho giảm thiểu các tác động môi trường trong sản xuất, sử dụng và thải bỏ;
- phòng ngừa ô nhiễm, giảm phế thải và giảm tiêu tốn tài nguyên (vật liệu, nhiên liệu và năng lượng) và cam kết thu hồi và tái chế, không vứt bỏ khi có thể thu hồi và tái chế được;
- giáo dục và đào tạo;
- chia sẻ các kinh nghiệm về môi trường;
- tham gia và liên hệ với các bên hữu quan;
- hành động vì sự phát triển bền vững;
- khuyến khích người cung cấp và người thầu sử dụng HTQLMT.

4.2 Lập kế hoạch

Nguyên tắc 2 – Lập kế hoạch

Tổ chức cần phải đề ra kế hoạch để thực hiện chính sách môi trường của mình

4.2.1 Khái quát

Các yếu tố của hệ thống quản lý môi trường liên quan đến việc lập kế hoạch bao gồm:

- xác định các khía cạnh môi trường và việc đánh giá các tác động môi trường kèm theo;
- các yêu cầu về pháp lý;
- chính sách môi trường;
- chuẩn cứ về kết quả hoạt động nội bộ;

TCVN ISO 14004 : 1997

- mục tiêu và chỉ tiêu môi trường
- kế hoạch môi trường và chương trình quản lý.

4.2.2 Xác định các khía cạnh môi trường và việc đánh giá các tác động môi trường kèm theo

Chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu của tổ chức phải dựa trên kiến thức về khía cạnh môi trường và các tác động môi trường đáng kể liên quan tới các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của tổ chức. Điều này có thể đảm bảo rằng các ảnh hưởng môi trường đáng kể liên quan tới các khía cạnh đó được xem xét đến trong việc đề ra các mục tiêu môi trường.

Việc xác định các khía cạnh môi trường là một quá trình liên tục, quá trình đó xác định tác động đã qua, hiện tại và tiềm tàng (tích cực hoặc tiêu cực) của các hoạt động của tổ chức đối với môi trường. Quá trình này cũng bao gồm cả việc xác định các quy chế, luật pháp và công việc kinh doanh có thể ảnh hưởng đến tổ chức. Nó cũng có thể bao gồm việc xác định các khía cạnh tác động đến sức khoẻ và an toàn, và đánh giá nguy cơ môi trường.

Một số vấn đề cần được xem xét trong việc xác định các khía cạnh môi trường và đánh giá tác động môi trường

- 1 Các khía cạnh môi trường của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của tổ chức là gì ?
- 2 Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức có tạo ra các tác động môi trường bất lợi đáng kể nào không ?
- 3 Tổ chức có thủ tục để đánh giá tác động môi trường cho các dự án mới không ?
- 4 Địa điểm nơi tổ chức đóng có yêu cầu nghiên cứu xem xét đặc biệt về môi trường không ? ví dụ như các khu vực nhạy cảm môi trường ?
- 5 Những thay đổi hoặc bổ sung đã định cho các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ có làm ảnh hưởng đến các khía cạnh môi trường và các tác động kèm theo của chúng như thế nào ?
- 6 Nếu xảy ra một sai sót trong quá trình, thì các tác động môi trường tiềm ẩn sẽ có ý nghĩa hoặc nghiêm trọng như thế nào ?
- 7 Tình huống có thể dẫn tới tác động môi trường có tần suất xuất hiện như thế nào ?
- 8 Những gì là các khía cạnh môi trường đáng kể: xét về tác động môi trường, khả năng xảy ra, mức độ nghiêm trọng và tần suất xuất hiện ?
- 9 Các tác động môi trường đáng kể là thuộc phạm vi địa phương, khu vực hay toàn cầu ?

Hỗ trợ thực hành – Xác định các khía cạnh môi trường và đánh giá các tác động môi trường kèm theo

Mối quan hệ giữa các khía cạnh môi trường và tác động môi trường là một mối quan hệ nhân quả

Nói đến khía cạnh môi trường là nói đến một yếu tố của hoạt động, dịch vụ hoặc sản phẩm của một tổ chức mà chúng có thể tác động có lợi hoặc bất lợi đến môi trường. Ví dụ, khía cạnh môi trường liên quan đến nước thải, khí thải, tiêu hao hoặc tái sử dụng vật liệu, hoặc tiếng ồn.

Nói đến tác động môi trường là nói đến sự thay đổi xảy ra trong môi trường, gây ra bởi các khía cạnh môi trường. Ví dụ về các tác động môi trường có thể bao gồm sự nhiễm bẩn nước hay suy thoái một nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Việc xác định các khía cạnh môi trường và đánh giá tác động môi trường kèm theo là một quá trình có thể liên quan đến bốn bước.

Bước 1 – Lựa chọn một hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ

Hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ được lựa chọn phải đủ lớn để xem xét cho có ý nghĩa và đủ nhỏ để có thể hiểu đầy đủ.

Bước 2 – Xác định các khía cạnh môi trường của hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ.

Xác định càng nhiều càng tốt các khía cạnh môi trường liên quan với hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ được lựa chọn

Bước 3 – Xác định các tác động môi trường

Xác định càng nhiều càng tốt các tác động môi trường hiện tại và tiềm ẩn, có lợi và bất lợi liên quan tới từng khía cạnh môi trường đã được xác định

Ví dụ cho ba bước nói ở trên như sau :

Hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ	Khía cạnh môi trường	Tác động môi trường
Hoạt động – vận chuyển vật liệu nguy hiểm	Khả năng tràn ra môi trường	Nhiễm bẩn đất hoặc nước
Sản phẩm – Tinh chế sản phẩm	Thiết kế lại sản phẩm để giảm bớt thể tích của nó	Bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên
Dịch vụ – Bảo dưỡng xe	Khí thải	Giảm bớt ô nhiễm không khí

Bước 4 – Đánh giá ý nghĩa của các tác động môi trường

Ý nghĩa của mỗi tác động môi trường đã được xác định có thể là khác nhau với từng tổ chức. Lượng hoá có thể giúp cho việc phán xét.

Việc đánh giá có thể xem xét :

Sự quan tâm về môi trường :

- quy mô của tác động;
- mức độ nghiêm trọng của tác động;
- xác suất xảy ra
- quãng thời gian tác động

Sự quan tâm về công việc :

- các khía cạnh về quy chế và luật pháp tiềm ẩn;
- khó khăn của việc thay đổi tác động;
- chi phí của việc thay đổi tác động;
- hiệu quả của sự thay đổi đối với các hoạt động và các quá trình khác;
- mối quan tâm của các bên hữu quan;
- ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức.

4.2.3 Yêu cầu về pháp luật và các yêu cầu khác

Tổ chức cần phải thiết lập và duy trì các thủ tục để tiếp cận và hiểu được tất cả các yêu cầu về pháp luật và các yêu cầu khác mà tổ chức phải tuân thủ một cách trực tiếp áp dụng cho các thuộc tính của các khía cạnh môi trường thuộc các hoạt động, sản phẩm dịch vụ của mình.

Một số vấn đề mà tổ chức cần xem xét về yêu cầu luật pháp và các yêu cầu khác:

- 1 Tiếp cận và định ra các yêu cầu về luật pháp tương ứng và các yêu cầu khác như thế nào ?
- 2 Theo dõi các yêu cầu về luật pháp và các yêu cầu khác như thế nào ?
- 3 Theo dõi các thay đổi đối với luật pháp và các yêu cầu khác như thế nào?
- 4 Thông báo các thông tin tương ứng về các yêu cầu luật pháp và các yêu cầu khác cho nhân viên như thế nào ?

Hỗ trợ thực hành – Yêu cầu về pháp luật và các yêu cầu khác

Để duy trì được sự phù hợp với các quy định, một tổ chức cần phải xác định và hiểu được các yêu cầu quy định, áp dụng cho các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của mình. Các quy định có thể tồn tại dưới một số hình thức sau :

- những quy định riêng cho hoạt động (ví dụ giấy phép hoạt động của cơ sở);
- những quy định riêng cho sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức;
- những quy định riêng cho ngành nghề của tổ chức;
- luật môi trường chung, và;
- uỷ quyền, chứng chỉ và giấy phép.

Một số nguồn có thể dùng để xác định các quy định về môi trường và các thay đổi tiếp theo, bao gồm :

- tất cả các cấp cơ quan Chính phủ;
- các hiệp hội hoặc nhóm công nghiệp;
- cơ sở dữ liệu thương mại, và;
- dịch vụ chuyên môn.

Để thuận tiện cho việc theo dõi các yêu cầu về pháp luật, một tổ chức có thể thiết lập và duy trì danh mục tất cả các luật và quy định, thể lệ có liên quan đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của mình.

4.2.4 Chuẩn cứ kết quả hoạt động nội bộ

Các ưu tiên và chuẩn cứ nội bộ phải được xây dựng và thực hiện khi các tiêu chuẩn bên ngoài không đáp ứng được nhu cầu của tổ chức, hoặc không có. Chuẩn cứ kết quả hoạt động nội bộ cùng với các tiêu chuẩn bên ngoài, giúp cho tổ chức triển khai mục tiêu và chỉ tiêu riêng của mình.

Hỗ trợ thực hành – Chuẩn cứ kết quả hoạt động nội bộ

Ví dụ về các lĩnh vực mà một tổ chức có thể có các chuẩn cứ kết quả hoạt động nội bộ có thể gồm:

- hệ thống quản lý;
- trách nhiệm của nhân viên;
- thu nhận, quản lý tài sản và sự thất thu;
- người cung cấp;
- những nhà thầu;
- cương vị quản lý sản phẩm;
- trao đổi thông tin liên lạc về môi trường;
- các mối quan hệ pháp lý;
- sự ứng phó và tinh sẵn sàng đối với những trục trặc về môi trường;
- nhận thức và đào tạo về môi trường;
- phép đo và cải thiện môi trường;
- giảm rủi ro cho quá trình;
- sự ngăn ngừa ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên;
- dự án về vốn;
- sự thay đổi quá trình;
- quản lý vật liệu độc hại;
- quản lý phế thải;
- quản lý nước (ví dụ nước thải, nước mặt, nước ngầm)
- quản lý chất lượng không khí;
- quản lý năng lượng;
- vận chuyển.

4.2.5 Mục tiêu và chỉ tiêu môi trường

Phải thiết lập ra các mục tiêu để đáp ứng chính sách môi trường của tổ chức. Các mục tiêu này là những mục tiêu toàn diện cho kết quả hoạt động môi trường đã được định ra trong chính sách môi trường. Khi đề ra các mục tiêu của mình một tổ chức cũng cần phải tính đến những phát hiện tương ứng trong những lần xem xét môi trường, các khía cạnh môi trường đã xác định cũng như các tác động môi trường kèm theo

Sau đó có thể đề ra các chỉ tiêu môi trường để đạt được những mục tiêu này trong một khuôn khổ thời gian quy định. Các chỉ tiêu phải cụ thể và đo được.

Khi mục tiêu và chỉ tiêu môi trường đã được đề ra, tổ chức cần xem xét việc thiết lập ra các chỉ báo có thể đo được về kết quả hoạt động môi trường. Những chỉ báo này có thể được sử dụng làm cơ sở cho hệ thống đánh giá hiệu quả thực hiện môi trường và có thể cung cấp thông tin về HTQLMT và cả về hệ thống điều hành tổ chức.

Các mục tiêu và chỉ tiêu có thể áp dụng rộng rãi cho toàn tổ chức hoặc áp dụng một cách hẹp hơn cho các hoạt động đặc trưng tại cơ sở hoặc hoạt động riêng lẻ. Các cấp quản lý thích hợp cần phải xác định các mục tiêu và chỉ tiêu. Phải định kỳ xem xét và soát xét các mục tiêu và chỉ tiêu, và phải tính đến các quan điểm của các bên hữu quan.

Một số vấn đề cần được xem xét trong mục đích và chỉ tiêu môi trường:

- 1 Các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường phản ánh chính sách môi trường và các tác động môi trường đáng kể kèm theo với các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức như thế nào?
- 2 Các nhân viên chịu trách nhiệm như thế nào để đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường trong công việc của họ ?
- 3 Quan điểm của các bên hữu quan đã được xem xét như thế nào ?
- 4 Các chỉ báo đo được cụ thể nào đã được thiết lập cho các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường ?
- 5 Các mục tiêu và chỉ tiêu được thường xuyên xem xét và soát xét như thế nào để phản ánh những cải tiến mong muốn trong kết quả hoạt động môi trường ?

Hỗ trợ thực hành – Mục tiêu và chỉ tiêu

Mục tiêu có thể bao gồm các cam kết nhằm:

- giảm phế thải và sự cạn kiệt nguồn tài nguyên;
- giảm hoặc loại bỏ sự thải các chất gây ô nhiễm vào môi trường;
- thiết kế sản phẩm nhằm giảm đến mức tối thiểu tác động môi trường của chúng trong sản xuất, sử dụng và xử lý loại bỏ;
- kiểm soát tác động môi trường của các nguồn nguyên liệu;
- giảm đến mức tối thiểu tác động môi trường bất lợi đáng kể của các triển khai mới
- nâng cao nhận thức về môi trường của nhân viên và cộng đồng.

Sự tiến bộ hướng về mục tiêu nói chung là có thể đo được bằng cách sử dụng các chỉ báo về kết quả hoạt động môi trường như :

- lượng nguyên vật liệu thô hoặc năng lượng sử dụng;
- lượng khí thải chẳng hạn như CO₂;
- phế thải sản xuất ra trên lượng thành phẩm;
- hiệu quả của việc sử dụng vật liệu và năng lượng;
- số các trục trặc về môi trường (ví dụ : vượt quá giới hạn);
- số các sự cố môi trường (ví dụ : rò rỉ không dự tính được);
- phần trăm phế thải tái chế;
- phần trăm vật liệu tái sinh sử dụng trong đóng gói;
- số kilômét vận tải trên đơn vị sản lượng;
- lượng chất gây ô nhiễm đặc trưng, ví dụ NO_x, SO₂, CO, HC, Pb, CFC_s;
- đầu tư vào bảo vệ môi trường;
- số vụ truy tố;
- diện tích đất dành riêng cho môi trường sống của động vật hoang dã.

Một ví dụ tổng hợp

Mục tiêu : giảm bớt năng lượng dùng cho sản xuất

Chỉ tiêu: giảm được 10 phần trăm tiêu thụ năng lượng so với năm trước

Chỉ báo: lượng nhiên liệu và điện năng trên đơn vị sản lượng.

4.2.6 Chương trình quản lý môi trường

Trong việc đặt kế hoạch chung cho các hoạt động, tổ chức cần phải đề ra một chương trình quản lý môi trường để cập đến tất cả mục tiêu môi trường của mình. Để có hiệu quả nhất, việc lập kế hoạch quản lý môi trường phải có trong kế hoạch chiến lược của tổ chức. Các chương trình quản lý môi trường cần để cập đến tiến độ, nguồn lực và trách nhiệm để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của tổ chức

Trong khuôn khổ kế hoạch quản lý môi trường đề ra, chương trình quản lý môi trường định rõ cho tổ chức các bước hành động cụ thể theo thứ tự ưu tiên của chúng. Những hành động này có thể liên quan đến các quá trình riêng rẽ, các dự án, sản phẩm, dịch vụ, các hiện trường hoặc các phương tiện bên trong hiện trường.

Các chương trình quản lý môi trường giúp cho tổ chức cải tiến hoạt động môi trường của mình. các chương trình phải năng động và thường xuyên được soát xét lại để phản ánh những thay đổi trong mục tiêu và chỉ tiêu của tổ chức.

Một số vấn đề cần được xem xét trong các chương trình quản lý môi trường :

- 1 Quá trình xây dựng chương trình quản lý môi trường của tổ chức là gì ?
- 2 Quá trình lập kế hoạch quản lý môi trường có liên quan đến tất cả các bên có trách nhiệm không?
- 3 Có một quá trình để xem xét thường kỳ chương trình quản lý môi trường không ?
- 4 Các chương trình này để cập đến các vấn đề về nguồn lực, trách nhiệm, thời gian và sự ưu tiên như thế nào ?
- 5 Các chương trình quản lý môi trường đáp ứng chính sách môi trường và các hoạt động kế hoạch hoá chung như thế nào ?
- 6 Chương trình quản lý môi trường được giám sát và soát xét lại như thế nào ?

Hỗ trợ thực hành – Chương trình quản lý môi trường

Ví dụ về quá trình xây dựng chương trình quản lý môi trường

Cam kết và chính sách	Lập kế hoạch	Ví dụ
Cam kết về chính sách môi trường 1 ¹⁾		Bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên
	Mục tiêu 1	Giảm đến mức tối thiểu việc sử dụng nước một khi kỹ thuật và thương mại cho phép.
	Chỉ tiêu 1	Giảm bớt sự tiêu thụ nước 15% tại các vị trí được lựa chọn so với mức tiêu thụ hiện tại trong vòng một năm.
	Chương trình môi trường 1	Tái sử dụng nước.
	Hành động 1	Lắp đặt thiết bị để quay vòng nước xúc rửa cho quá trình A để sử dụng lại trong quá trình B.

1) Quá trình lập lại này cần được thực hiện đối với tất cả mọi cam kết về chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu.

4.3 Thực hiện**Nguyên tắc 3 – Thực hiện**

Để thực hiện có hiệu quả một tổ chức cần phải phát triển những năng lực và cơ chế hỗ trợ cần thiết để đạt được chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của mình.

4.3.1 Khái quát

Năng lực và sự hỗ trợ mà tổ chức yêu cầu phải tiến triển đều đặn nhằm đáp ứng những yêu cầu thay đổi của các bên hữu quan, của môi trường kinh doanh năng động, và quá trình cải tiến không ngừng. Nhằm đạt được các mục tiêu môi trường của mình, một tổ chức cần phải tập trung và liên kết con người, hệ thống, chiến lược, nguồn lực và cơ cấu của mình.

TCVN ISO 14004 : 1997

Với nhiều tổ chức, thực hiện quản lý môi trường có thể được tiếp cận theo các giai đoạn và phải dựa trên mức độ nhận thức về yêu cầu môi trường, các khía cạnh môi trường, sự mong đợi và lợi ích, và sự có sẵn của các nguồn lực.

4.3.2 Đảm bảo năng lực

4.3.2.1 Nguồn lực – nhân lực, vật chất và tài chính

Nguồn lực thích hợp về con người, vật chất (ví dụ phương tiện, thiết bị), và tài chính thiết yếu cho việc thực hiện các chính sách môi trường của một tổ chức và việc đạt được các mục tiêu của nó phải được xác định ra và có sẵn. Trong việc phân phối các nguồn lực, các tổ chức có thể biên soạn ra các thủ tục nhằm theo dõi những lợi ích cũng như chi phí cho các hoạt động về môi trường hoặc các vấn đề liên quan đến môi trường, như chi phí cho việc kiểm soát ô nhiễm, phế thải và xử lý.

Một số vấn đề mà tổ chức cần xem xét về nguồn nhân lực, vật chất và tài chính:

- 1 Định ra và phân phối như thế nào các nguồn nhân lực, kỹ thuật và tài chính cho các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của mình bao gồm cả những nguồn cho dự án mới ?
- 2 Theo dõi như thế nào các chi phí và ích lợi của các hoạt động môi trường ?

Hỗ trợ thực hành – Nguồn nhân lực, vật chất và tài chính

Cơ sở nguồn lực và cơ cấu tổ chức của các xí nghiệp vừa và nhỏ có thể phải chịu một vài hạn chế về thực hiện. Nhằm giải quyết những hạn chế này, khi có thể, xí nghiệp vừa và nhỏ cần phải xem xét đến các chiến lược hợp tác với:

- các tổ chức khách hàng lớn hơn nhằm chia sẻ công nghệ và bí quyết sản xuất;
- các xí nghiệp vừa và nhỏ khác có cùng một dây chuyền cung cấp hoặc ở cùng một địa phương nhằm xác định và giải quyết các vấn đề chung, chia sẻ bí quyết sản xuất, tạo thuận lợi cho việc phát triển kỹ thuật, sử dụng chung các phương tiện, xác lập cách nghiên cứu HTQLMT, cùng nhau thuê những nhà tư vấn;
- các tổ chức tiêu chuẩn hoá, các hiệp hội xí nghiệp vừa và nhỏ, các phòng thương mại, nhằm tham gia vào các chương trình đào tạo và chương trình phổ biến kiến thức;
- các trường đại học và các trung tâm nghiên cứu khác nhằm hỗ trợ sản xuất và đổi mới.

4.3.2.2 Sự hoà hợp và hợp nhất của HTQLMT

Nhằm quản lý có hiệu quả những vấn đề môi trường, các yếu tố của HTQLMT phải được thiết kế hoặc soát xét sao cho chúng được hoà hợp và hợp nhất có hiệu quả với các yếu tố quản lý hiện có.

Các yếu tố của hệ thống quản lý có thể được lợi từ sự hợp nhất gồm:

- chính sách tổ chức;
- phân phối nguồn lực;
- kiểm soát điều hành và lập văn bản;
- các hệ thống thông tin và hệ thống hỗ trợ;
- đào tạo và phát triển;
- cơ cấu tổ chức và trách nhiệm;
- hệ thống khen thưởng và đánh giá;
- hệ thống đo và giám sát;
- thông tin liên lạc và báo cáo.

Một số vấn đề cần xem xét trong hoà hợp và hợp nhất tổ chức :

- 1 HTQLMT đã được hợp nhất như thế nào vào quá trình quản lý kinh doanh toàn diện ?
- 2 Quá trình để cân bằng và giải quyết các mâu thuẫn giữa các mục tiêu và ưu tiên về môi trường và kinh doanh khác là gì ?

4.3.2.3 Bổn phận và trách nhiệm

Trách nhiệm về tính hiệu quả toàn diện của HTQLMT phải được giao cho một người hoặc (những) bộ phận chức năng có đủ thẩm quyền, năng lực và nguồn lực.

Những người quản lý điều hành phải xác định rõ ràng trách nhiệm của nhân viên tương ứng và phải chịu trách nhiệm và có bổn phận thực hiện có hiệu quả HTQLMT và kết quả hoạt động môi trường. Nhân viên ở tất cả các cấp trong phạm vi nhiệm vụ của mình phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động môi trường hỗ trợ cho HTQLMT.

Một số vấn đề cần xem xét về trách nhiệm và bổn phận :

- 1 Trách nhiệm và bổn phận của nhân viên, người quản lý, thực hiện và xác nhận công việc ảnh hưởng đến môi trường là những gì, và chúng có được xác định và lập thành văn bản không ?
- 2 Mỗi quan hệ giữa trách nhiệm về môi trường và kết quả hoạt động của mỗi cá nhân là gì và mỗi quan hệ đó có được định kỳ xem xét không ?
- 3 Nhân viên chịu trách nhiệm và có bổn phận như thế nào trong việc :
 - đào tạo đầy đủ, nguồn lực và thực hiện ?
 - đề xuất hoạt động nhằm đảm bảo sự phù hợp với chính sách môi trường ?
 - dự đoán, xác định và ghi lại các vấn đề môi trường ?
 - đề xuất, kiến nghị, hoặc có các giải pháp cho các vấn đề đó ?

- xác nhận việc thực hiện các giải pháp đó?
- kiểm soát các hoạt động tiếp tục cho đến khi sự thiếu sót về môi trường hoặc điều kiện không thoả mãn đã được sửa chữa ?
- đào tạo thích hợp để biết hành động trong các tình hình khẩn cấp ?
- hiểu được hậu quả của sự không phù hợp với các yêu cầu môi trường ?
- hiểu được bốn phạm vi mà thực thi chúng ?
- khuyến khích hành động tự nguyện và sáng kiến ?

Hỗ trợ thực hành – Bốn phạm vi và trách nhiệm

Nhằm đảm bảo xây dựng và thực hiện có hiệu quả một HTQLM, cần phải giao trách nhiệm thích hợp. Dưới đây là một cách tiếp cận có thể được nhằm xây dựng các trách nhiệm về môi trường. Phải công nhận là các công ty và cơ quan có các cơ cấu tổ chức khác nhau, nên cần phải hiểu và xác định các trách nhiệm về môi trường dựa trên các quá trình làm việc của riêng mình.

Dưới đây là ví dụ mô hình về các trách nhiệm môi trường

Vi dụ về trách nhiệm môi trường	Người chịu trách nhiệm chính
Thiết lập định hướng tổng thể	Chủ tịch, giám đốc điều hành, ban giám đốc
Xây dựng chính sách môi trường	Chủ tịch, giám đốc điều hành, giám đốc môi trường
Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và các chương trình môi trường	Các giám đốc tương ứng
Theo dõi kết quả hoạt động toàn diện của HTQLMT	Giám đốc môi trường
Đảm bảo sự phù hợp với quy tắc thể lệ	Giám đốc sản xuất
Đảm bảo sự cải tiến liên tục	Tất cả các giám đốc
Xác định sự mong đợi của khách hàng	Nhân viên bán và tiếp thị
Xác định sự mong đợi của người cung cấp	Người mua
Xây dựng và duy trì các thủ tục kế toán	Giám đốc tài chính/kế toán
Theo đúng các trình tự quy định	Tất cả nhân viên

Chú thích – Trong trường hợp các xí nghiệp vừa và nhỏ người chịu trách nhiệm có thể là người chủ sở hữu.

4.3.2.4 Nhận thức và động cơ về môi trường

Ban lãnh đạo cấp cao có một vai trò then chốt trong việc tạo nhận thức và động cơ cho nhân viên bằng việc giải thích các giá trị môi trường của tổ chức và kết nối sự cam kết của mình với chính sách môi trường. Sự cam kết của cá nhân mỗi người trong bối cảnh các giá trị về môi trường được chia sẻ thì điều đó làm biến đổi một HTQLMT trên giấy tờ thành một quá trình có hiệu quả.

Tất cả các thành viên của tổ chức phải hiểu và được khuyến khích để chấp nhận tầm quan trọng của việc đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường mà họ chịu trách nhiệm và /hoặc có bổn phận. Về phần mình, khi cần thiết họ phải khuyến khích các thành viên khác của tổ chức cũng đáp ứng bằng cách tương tự.

Có thể tăng cường động cơ cải tiến liên tục khi các nhân viên được công nhận đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường và được khuyến khích để xuất những ý kiến có thể dẫn đến kết quả hoạt động về môi trường được cải thiện.

Một số vấn đề cần được xem xét trong nhận thức và động cơ về môi trường :

- 1 Lãnh đạo cao nhất tiến hành thiết lập, tăng cường và kết nối cam kết của tổ chức với chính sách môi trường như thế nào ?
- 2 Các nhân viên hiểu, chấp nhận và chia sẻ các giá trị môi trường của tổ chức tới mức độ nào ?
- 3 Các giá trị môi trường được chia sẻ dùng để thúc đẩy các hành động có trách nhiệm mang tính môi trường tới mức độ nào?
- 4 Tổ chức thừa nhận như thế nào thành tích về môi trường của các nhân viên ?

4.3.2.5 Kiến thức, kỹ năng và đào tạo

Phải xác định những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc đạt được các mục tiêu môi trường. Những điều này phải được xem xét đến trong việc lựa chọn nhân viên, tuyển mộ, đào tạo, phát triển kỹ năng và giáo dục tiếp theo.

Cần phải tiến hành đào tạo thích hợp liên quan đến việc đạt được các chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu môi trường cho tất cả các nhân viên trong một tổ chức. Nhân viên phải có một cơ sở kiến thức thích hợp bao gồm việc đào tạo về phương pháp và kỹ năng cần có để thực hiện nhiệm vụ của họ hiệu quả và thuận thực, và hiểu biết về tác động mà các hoạt động của họ có thể gây cho môi trường nếu thực hiện không đúng.

Tổ chức cũng phải đảm bảo rằng các nhà thầu làm việc tại hiện trường chứng tỏ được họ có hiểu biết và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc một cách có trách nhiệm đối với môi trường. Việc giáo dục và đào tạo phải cần đảm bảo rằng nhân viên phải có kiến thức thích hợp và cập nhật đối với các yêu cầu về quy tắc thể lệ, tiêu chuẩn nội bộ, về các chính sách và mục tiêu của tổ chức. Mức độ và chi tiết đào tạo khác nhau tùy theo nhiệm vụ :

TCVN ISO 14004 : 1997

Chương trình đào tạo gồm đặc trưng các yếu tố sau:

- xác định nhu cầu đào tạo của nhân viên;
- xây dựng một kế hoạch đào tạo để cập đến các nhu cầu đã xác định;
- xác nhận sự phù hợp của chương trình đào tạo với các yêu cầu về quy tắc thể lệ hoặc về tổ chức;
- đào tạo cho các nhóm nhân viên được định trước;
- lập văn bản cho khoá đào tạo đã tiến hành;
- đánh giá khóa đào tạo đã tiến hành.

Một số vấn đề cần xem xét về kiến thức, kỹ năng và đào tạo:

- 1 Tổ chức xác định nhu cầu đào tạo về môi trường như thế nào ?
- 2 Nhu cầu đào tạo các bộ phận công việc cụ thể được phân tích như thế nào ?
- 3 Chương trình đào tạo có được xây dựng, xem xét và sửa đổi khi cần thiết không ?
- 4 Việc đào tạo được lập thành văn bản và theo dõi như thế nào ?

Hỗ trợ thực hành – Kiến thức, kỹ năng và đào tạo

Những ví dụ về các loại đào tạo môi trường mà tổ chức có thể cung cấp như sau :

Loại đào tạo	Học viên	Mục đích
Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng chiến lược của quản lý môi trường	Lãnh đạo lâu năm	Có được sự cam kết và liên kết với chính sách môi trường của tổ chức
Nâng cao nhận thức chung về môi trường	Tất cả nhân viên	Có được sự cam kết với chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu môi trường và truyền đạt ý thức về trách nhiệm cá nhân.
Củng cố kỹ năng	Nhân viên có trách nhiệm về môi trường	Nâng cao kết quả hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù của tổ chức, ví dụ vận hành, nghiên cứu và triển khai, kỹ thuật
Sự tuân thủ	Nhân viên mà hành động của họ có thể ảnh hưởng đến sự phù hợp với các quy định.	Đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu về quy chế và các yêu cầu nội bộ cho việc đào tạo.

4.3.3 Hành động hỗ trợ

4.3.3.1 Thông tin liên lạc và báo cáo

Thông tin liên lạc bao gồm việc thiết lập các quá trình để báo cáo trong nội bộ và với bên ngoài về các hoạt động môi trường của tổ chức nhằm:

- chứng minh sự cam kết của lãnh đạo đối với môi trường;
- giải quyết những liên quan và thắc mắc về các khía cạnh môi trường của các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức;
- nâng cao nhận thức của tổ chức về chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình;
- thông báo cho các bên hữu quan bên trong và bên ngoài tổ chức về hệ thống quản lý và kết quả hoạt động môi trường của tổ chức khi thích hợp.

Kết quả của việc giám sát, đánh giá và xem xét sự quản lý của HTQLMT phải được thông báo cho những người bên trong tổ chức chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của hệ thống.

Sự cung cấp thông tin thích hợp cho các nhân viên của tổ chức và cho các bên hữu quan khác dùng để thúc đẩy các nhân viên và khuyến khích sự hiểu biết và chấp thuận của công chúng đối với các nỗ lực của tổ chức nhằm cải tiến kết quả hoạt động về môi trường.

Một số vấn đề cần xem xét về thông tin liên lạc và báo cáo:

- 1 Quá trình nhận và trả lời các mối quan tâm của nhân viên là gì ?
- 2 Quá trình nhận và xem xét các mối quan tâm của các bên hữu quan là gì ?
- 3 Quá trình thông tin liên lạc về chính sách và kết quả hoạt động về môi trường của tổ chức là gì ?
- 4 Các kết quả của việc đánh giá và xem xét HTQLMT được thông báo như thế nào cho tất cả mọi người có liên quan trong tổ chức ?
- 5 Quá trình làm cho chính sách môi trường tiếp cận với công chúng là gì ?
- 6 Việc thông tin liên lạc nội bộ có đủ để hỗ trợ cho cải tiến liên tục xung quanh các vấn đề về môi trường không?

Hỗ trợ thực hành – Thông tin liên lạc và báo cáo

a) Các mục có thể đưa vào báo cáo:

- mô tả tóm tắt về tổ chức;
- chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu môi trường;
- quá trình quản lý môi trường (kể cả sự tham gia của bên hữu quan và sự công nhận đối với nhân viên)
- đánh giá kết quả hoạt động môi trường (kể cả việc thải, bảo tồn nguồn lực, sự phù hợp, quản lý sản phẩm và sự rủi ro);
- cơ hội để cải tiến;
- thông tin bổ sung, như bảng chú giải;
- xác nhận độc lập về các nội dung của báo cáo.

b) Những vấn đề quan trọng cần nhớ trong khi thông tin liên lạc và báo cáo môi trường cho nội bộ và bên ngoài bao gồm:

- thông tin liên lạc hai chiều cần phải được khuyến khích;
- thông tin phải dễ hiểu và giải thích đầy đủ;
- thông tin phải kiểm tra được;
- tổ chức cần phải đưa ra một bức tranh chính xác về kết quả hoạt động của mình;
- thông tin phải được trình bày dưới một hình thức nhất quán (ví dụ: đơn vị đo lường như nhau để dễ so sánh giữa thời kỳ này với thời kỳ khác).

c) Một tổ chức có thể thông tin liên lạc về môi trường bằng nhiều cách khác nhau:

- đối với bên ngoài, qua báo cáo hàng năm, các tờ trình, hồ sơ văn bản của Chính phủ, ấn phẩm của hội công nghiệp, phương tiện thông tin đại chúng và quảng cáo trả tiền;
- tổ chức những ngày mở cửa cho mọi người tham quan, công bố các số điện thoại mà các khiếu nại và các câu hỏi có thể được gọi tới;
- đối với nội bộ, qua các áp phích trên bảng thông báo tin tức hàng ngày, các báo chí nội bộ, cuộc họp và thông điệp thư tin điện tử.

4.3.3.2 Lập văn bản của HTQLMT

Các quá trình và thủ tục điều hành phải được định ra và lập thành văn bản một cách thích hợp và cập nhật khi cần. Tổ chức phải xác định rõ các loại tài liệu được dùng để thiết lập và quy định các thủ tục điều hành và kiểm soát có hiệu quả

Tài liệu của HTQLMT hỗ trợ cho nhân viên nhận thức những điều cần thiết để đạt được các mục tiêu môi trường của tổ chức và tạo điều kiện cho việc đánh giá hệ thống và kết quả hoạt động môi trường

Bản chất tài liệu có thể khác nhau tùy theo quy mô và sự phức tạp của từng tổ chức. Khi mà các yếu tố của HTQLMT được hợp nhất với hệ thống quản lý toàn diện của tổ chức thì tài liệu về môi trường phải được hợp nhất vào tài liệu hiện có. Để dễ sử dụng, tổ chức có thể xem xét đến việc tổ chức và duy trì một bản tóm tắt tài liệu nhằm:

- tập hợp và sắp xếp theo thứ tự chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu môi trường;
- mô tả cách thức để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu môi trường;
- lập tài liệu cho các vai trò, trách nhiệm và thủ tục chủ chốt;
- cung cấp hướng dẫn cho tài liệu liên quan và mô tả các yếu tố khác của hệ thống quản lý của tổ chức khi thích hợp;
- chứng minh rằng các yếu tố của HTQLMT thích hợp với tổ chức được thực hiện.

Một tài liệu tóm tắt như vậy có thể dùng để đối chiếu cho việc thực hiện và duy trì HTQLMT của tổ chức.

Một số vấn đề cần được xem xét trong tài liệu của HTQLMT:

- 1 Các thủ tục về quản lý môi trường được xác định, lập thành văn bản, thông tin và soát xét như thế nào ?
- 2 Tổ chức có quá trình để xây dựng và duy trì các văn bản của HTQLMT không ?
- 3 Khi thích hợp, văn bản của HTQLMT được hợp nhất với văn bản hiện có như thế nào ?
- 4 Nhân viên tiếp cận như thế nào với văn bản của HTQLMT cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động tác nghiệp của họ?

Hỗ trợ thực hành – Lập văn bản của HTQLMT

Các tài liệu có thể ở bất cứ dạng nào và cần hữu ích và dễ hiểu.

Toàn bộ văn bản phải được để ngày, tháng (với ngày tháng soát xét), dễ dàng tìm ra, được tổ chức, và giữ gìn trong một thời kỳ quy định. Tổ chức phải đảm bảo rằng:

- tài liệu có thể được phân định theo các tổ chức, ban, bộ phận chức năng, hoạt động và/hoặc người tiếp xúc tương ứng;
- tài liệu được thường kỳ xem xét, soát xét khi cần thiết và được thông qua ở cấp có thẩm quyền trước khi xuất bản;
- các bản hiện hành của các tài liệu tương ứng là có sẵn để dùng ở những nơi thiết yếu để sự hoạt động của hệ thống có hiệu quả;
- các tài liệu lỗi thời được loại bỏ khỏi các điểm xuất bản và các điểm sử dụng.

4.3.3.3 Kiểm soát điều hành

Việc thực hiện cần được hoàn thành thông qua sự thiết lập và duy trì các thủ tục và kiểm soát điều hành để đảm bảo cho chính sách, mục tiêu và chỉ tiêu về môi trường của tổ chức có thể được đáp ứng.

Hỗ trợ thực hành – Kiểm soát điều hành

Khi triển khai hoặc sửa đổi việc kiểm soát và thủ tục hoạt động, tổ chức phải xem xét đến các hoạt động và điều hành khác nhau đang góp phần vào các tác động môi trường có ý nghĩa của mình.

Những hoạt động và điều hành như vậy có thể bao gồm :

- nghiên cứu và thiết kế triển khai và kỹ thuật;
- mua sắm trang thiết bị vật tư;
- ký kết hợp đồng;
- bảo quản, vận chuyển nguyên vật liệu;
- quá trình sản xuất và bảo dưỡng;
- hoạt động phòng thí nghiệm;
- lưu kho sản phẩm;
- vận chuyển;
- tiếp thị, quảng cáo;
- dịch vụ khách hàng;
- thu nhận, xây dựng hoặc sửa đổi tài sản và phương tiện.

Hoạt động có thể chia thành ba hạng loại:

- hoạt động phòng ngừa ô nhiễm và gìn giữ tài nguyên trong các dự án tài chính mới, thay đổi quá trình và quản lý nguồn lực, tài sản (kiểm được, thất thu và quản lý tài sản), sản phẩm mới và bao gói;
- hoạt động quản lý hàng ngày để đảm bảo sự phù hợp với các yêu cầu về mặt tổ chức ở bên trong và bên ngoài tổ chức, và đảm bảo hiệu quả và hiệu lực của các hoạt động này;
- hoạt động quản lý chiến lược nhằm đón trước và đáp ứng với việc thay đổi các yêu cầu về môi trường.

4.3.3.4 Sự chuẩn bị sẵn sàng và đáp ứng với tình trạng khẩn cấp

Kế hoạch và thủ tục để đối phó với tình trạng khẩn cấp phải được thiết lập để đảm bảo có một sự đáp ứng thích hợp cho trục trặc xảy ra không dự đoán trước hoặc đột xuất.

TCVN ISO 14004 : 1997

Tổ chức phải xác định và duy trì các thủ tục nhằm đối phó với các sự cố môi trường và các tình trạng khẩn cấp tiềm ẩn về môi trường. Các thủ tục và kiểm soát hoạt động, khi thích hợp, phải bao gồm việc xem xét về:

- xả sự cố vào khí quyển;
- thải sự cố vào nước và đất;
- các ảnh hưởng môi trường và hệ sinh thái đặc trưng từ những rò rỉ sự cố.

Các thủ tục phải tính đến những sự việc xảy ra hoặc có thể xảy ra do:

- điều kiện hoạt động không bình thường;
- các sự cố và các tình huống khẩn cấp tiềm ẩn.

Hỗ trợ thực hành – Sự chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với tình trạng khẩn cấp

Kế hoạch khẩn cấp có thể bao gồm:

- tổ chức và trách nhiệm trong tình huống khẩn cấp;
- danh sách các nhân viên chủ chốt;
- chi tiết về các dịch vụ trong tình huống khẩn cấp (ví dụ ban cứu hoả, ban dọn dẹp những thứ bị đổ tràn);
- kế hoạch thông tin liên lạc nội bộ và với bên ngoài;
- hành động cần tiến hành khi xảy ra các loại tình huống khẩn cấp khác nhau;
- thông tin về các vật liệu nguy hiểm, bao gồm ảnh hưởng tiềm ẩn của mỗi loại vật liệu đối với môi trường và các biện pháp cần tiến hành trong trường hợp có rò rỉ sự cố;
- kế hoạch đào tạo và thử mức độ hiệu quả.

4.4 Đo và đánh giá

Nguyên tắc 4 – Đo và đánh giá

Tổ chức cần phải đo, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động về môi trường của mình.

4.4.1 Khái quát

Đo, giám sát và đánh giá là các hoạt động chủ chốt của một HTQLMT, điều đó đảm bảo rằng tổ chức đang thực hiện phù hợp với chương trình quản lý môi trường đã công bố.

4.4.2 Đo và giám sát (kết quả hoạt động liên tục)

Phải có một hệ thống tại chỗ để đo và giám sát kết quả hoạt động thực tế dựa trên các mục tiêu và chỉ tiêu môi trường của tổ chức trong phạm vi các hệ thống quản lý và các quá trình hoạt động. Điều này bao gồm đánh giá sự phù hợp với các quy định và luật pháp về môi trường tương ứng. Kết quả phải được phân tích và được sử dụng để xác định mức độ thành công và nhằm xác định các hoạt động cần có cho hành động khắc phục và cải tiến.

Các quy trình thích hợp phải có sẵn để đảm bảo độ tin cậy của các số liệu, như số liệu về hiệu chỉnh dụng cụ, thiết bị thử, số liệu lấy mẫu đã được cài đặt trong phần mềm và phần cứng của máy tính.

Việc xác định các chỉ báo kết quả hoạt động môi trường thích hợp cho tổ chức phải là một quá trình liên tục. Các chỉ báo như vậy phải khách quan, kiểm tra được và tái lập được. Chúng phải tương ứng với các hoạt động của tổ chức, nhất quán với chính sách môi trường của tổ chức, có tính thực tế, chi phí có hiệu quả và khả thi về công nghệ.

Chú thích – Các ví dụ về các chỉ báo kết quả hoạt động môi trường được nêu ra trong "Hỗ trợ thực hành – Mục tiêu và chỉ tiêu" (4.2.5).

Một số vấn đề cần xem xét trong đo và giám sát :

- 1 Kết quả hoạt động về môi trường được giám sát thường xuyên như thế nào ?
- 2 Các chỉ báo về kết quả hoạt động môi trường đặc trưng liên quan đến các mục tiêu và chỉ tiêu của tổ chức được thiết lập như thế nào và các chỉ báo đó là những gì ?
- 3 Các quá trình kiểm soát có sẵn để thường xuyên hiệu chỉnh, đo mẫu và giám sát thiết bị và các hệ thống là những gì ?
- 4 Các quá trình để đánh giá định kỳ tính tuân thủ với các yêu cầu pháp lý và các yêu cầu tuân thủ khác là gì ?

4.4.3 Hành động khắc phục và phòng ngừa

Phát hiện, kết luận và các kiến nghị do đo đạc, theo dõi, đánh giá và các xem xét khác đối với HTQLMT cần phải được lập thành văn bản, và phải định ra các hành động khắc phục và phòng ngừa cần thiết. Lãnh đạo cần phải đảm bảo rằng các hành động khắc phục và phòng ngừa được thực hiện và có sự nâng cao một cách có hệ thống để đảm bảo cho các hành động đó có hiệu quả.

4.4.4 Quản lý hồ sơ và thông tin của HTQLMT

Hồ sơ là bằng chứng của sự hoạt động liên tục của HTQLMT và cần phải bao gồm:

- các yêu cầu về quy tắc và pháp lý;

TCVN ISO 14004 : 1997

- các giấy phép;
- các khía cạnh môi trường và các tác động kèm theo của chúng;
- hoạt động đào tạo về môi trường;
- các hành động kiểm tra, hiệu chuẩn và bảo dưỡng;
- dữ liệu monitoring;
- chi tiết về sự không phù hợp: sự cố, khiếu nại và hành động tiếp theo;
- nhận dạng sản phẩm: dữ liệu về thành phần và tính chất;
- thông tin về người cung cấp và nhà thầu, và;
- đánh giá về môi trường và xem xét của lãnh đạo.

Có thể phát sinh ra nhiều phức tạp trong thông tin. Việc quản lý có hiệu quả các hồ sơ này là cần thiết cho việc thực hiện HTQLMT có kết quả. Các đặc trưng chủ yếu của việc quản lý tốt thông tin môi trường là bao gồm các biện pháp xác định, thu thập, đánh chỉ số, xếp hồ sơ, bảo quản, duy trì, tìm lại, giữ lại và xử lý tài liệu và hồ sơ HTQLMT thích hợp.

Một số vấn đề cần được xem xét trong quản lý hồ sơ và thông tin của HTQLMT:

- 1 Những thông tin nào về môi trường mà tổ chức cần quản lý có hiệu quả ?
- 2 Tổ chức phải có những năng lực gì để xác định và theo dõi các chỉ báo then chốt về kết quả hoạt động và các dữ liệu cần thiết khác để đạt được mục tiêu của mình ?
- 3 Hệ thống quản lý hồ sơ/thông tin của tổ chức làm thế nào để thông tin luôn có sẵn cho nhân viên dùng khi cần thiết ?

4.4.5 Đánh giá HTQLMT

Phải tiến hành đánh giá HTQLMT trên cơ sở định kỳ nhằm xác định xem hệ thống có phù hợp với các sắp xếp đã dự kiến và đã được thực hiện và duy trì đúng đắn không.

Đánh giá HTQLMT có thể do nhân viên của tổ chức tiến hành, và/hoặc do các bên ở ngoài được tổ chức lựa chọn. Trong bất cứ trường hợp nào, người tiến hành đánh giá phải ở một vị thế có thể đánh giá một cách khách quan, không thiên vị và phải được đào tạo thích hợp.

Tần suất đánh giá phải được chỉ dẫn theo bản chất hoạt động của các khía cạnh môi trường và các ảnh hưởng tiềm ẩn của nó. Kết quả của những lần đánh giá trước cũng phải được xem xét trong việc xác định tần suất.

Báo cáo đánh giá HTQLMT cần phải được đệ trình phù hợp với kế hoạch đánh giá.

4.5 Xem xét lại và cải tiến

Nguyên tắc 5 – Xem xét lại và cải tiến

Tổ chức phải xem xét lại và cải tiến liên tục HTQLMT, với mục tiêu cải tiến kết quả hoạt động môi trường toàn diện của mình.

4.5.1 Khái quát

Phải áp dụng quá trình cải tiến liên tục vào HTQLMT để đạt được sự cải tiến toàn diện trong kết quả hoạt động về môi trường.

4.5.2 Xem xét lại HTQLMT

Trong từng khoảng thời gian thích hợp, lãnh đạo của tổ chức phải tiến hành xem xét lại hệ thống quản lý môi trường nhằm đảm bảo tính phù hợp và tính hiệu quả liên tục.

Phạm vi xem xét lại HTQLMT phải đủ lớn để đề cập đủ các lĩnh vực môi trường của tất cả các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức kể cả ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động tài chính và có thể là cả vị trí cạnh tranh.

Việc xem xét lại HTQLMT phải bao gồm:

- xem xét lại các mục tiêu, chỉ tiêu môi trường và kết quả hoạt động về môi trường;
- các phát hiện qua việc đánh giá HTQLMT;
- đánh giá hiệu quả của HTQLMT;
- đánh giá tính phù hợp của chính sách môi trường và nhu cầu thay đổi theo tinh thần của:
 - + thay đổi luật pháp;
 - + thay đổi mong muốn và yêu cầu của các bên hữu quan;
 - + thay đổi trong sản phẩm hoặc hoạt động của tổ chức;
 - + tiến bộ trong khoa học và công nghệ;
 - + bài học rút ra được từ những sự cố môi trường đã xảy ra;
 - + sở thích của thị trường;
 - + báo cáo và thông tin liên lạc.

Một số vấn đề cần cân nhắc trong việc xem xét lại HTQLMT:

- HTQLMT được xem xét lại định kỳ như thế nào ?

- 2 Các nhân viên thích hợp tham gia như thế nào vào việc xem xét lại HTQLMT và công việc tiếp theo ?
- 3 Các quan điểm của các bên hữu quan được đề cập đến như thế nào trong việc xem xét lại HTQLMT ?

4.5.3 Cải tiến liên tục

Khái niệm về cải tiến liên tục được thể hiện trong HTQLMT. Cải tiến liên tục đạt được bằng cách đánh giá liên tục kết quả hoạt động về môi trường của HTQLMT dựa theo mục tiêu, chỉ tiêu và chính sách môi trường của tổ chức nhằm mục đích tìm ra các cơ hội để cải tiến (xem hình 1)

Quá trình cải tiến liên tục cần phải :

- xác định khu vực có cơ hội cho việc cải tiến HTQLMT để cải tiến kết quả hoạt động môi trường;
- xác định nguyên nhân cơ bản hoặc các nguyên nhân không phù hợp hoặc các thiếu sót;
- xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động khắc phục và phòng ngừa nhằm vào các nguyên nhân cơ bản;
- xác nhận tính hiệu quả của hành động khắc phục và phòng ngừa;
- lập thành văn bản bất kỳ thay đổi nào trong các thủ tục gây ra do việc cải tiến quá trình;
- so sánh với các mục tiêu và chỉ tiêu.

Một số vấn đề cần được xem xét trong hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến liên tục :

- 1 Tổ chức có quá trình gì để xác định hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến?
- 2 Tổ chức kiểm tra như thế nào để biết các hoạt động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến là hiệu quả và kịp thời ?

Phụ lục A

(Tham khảo)

Ví dụ về các nguyên tắc chỉ đạo về môi trường của quốc tế

Nguyên tắc chỉ đạo là các tuyên bố chính thức thể hiện cơ sở mà dựa vào đó để có thể xây dựng chính sách môi trường làm nền tảng cho hành động.

A.1 Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển

Hội nghị của Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển đã họp tại Rio de Janeiro từ 3 đến 14 tháng 6 năm 1992, khẳng định lại Tuyên bố của Hội nghị Liên hợp quốc về môi trường nhân văn thông qua tại Stockholm ngày 16/6/1972 và tìm cách phát huy tuyên bố ấy, nhằm thiết lập một sự chung sức toàn cầu mới và bình đẳng, thông qua việc tạo dựng những cấp độ hợp tác mới giữa các quốc gia, những thành phần chính trong các xã hội và nhân dân, hoạt động để đạt được những hiệp định quốc tế tôn trọng quyền lợi của mỗi người và bảo vệ sự toàn vẹn của hệ thống môi trường và phát triển toàn cầu, công nhận bản chất tổng thể và phụ thuộc lẫn nhau của trái đất, ngôi nhà của chúng ta, tuyên bố rằng:

Nguyên tắc 1

Con người là trung tâm của những mối quan tâm về sự phát triển bền vững. Con người có quyền được hưởng một cuộc sống hữu ích và lành mạnh hài hoà với thiên nhiên.

Nguyên tắc 2

Phù hợp với hiến chương Liên hợp quốc và những nguyên tắc của luật pháp quốc tế, các quốc gia có chủ quyền khai thác những tài nguyên của mình theo những chính sách về môi trường và phát triển của mình, và có trách nhiệm đảm bảo rằng những hoạt động trong phạm vi quyền hạn và kiểm soát của mình không gây tác hại gì đến môi trường của các quốc gia khác hoặc của những khu vực ngoài phạm vi quyền hạn quốc gia.

Nguyên tắc 3

Cần thực hiện quyền được phát triển để đáp ứng một cách bình đẳng những nhu cầu về phát triển và môi trường của các thế hệ hiện nay và tương lai.

Nguyên tắc 4

Để thực hiện được sự phát triển lâu bền, sự bảo vệ môi trường nhất thiết phải là một bộ phận cấu thành của quá trình phát triển và không thể xem xét tách rời quá trình đó.

Nguyên tắc 5

Tất cả các quốc gia và tất cả các dân tộc cần hợp tác trong nhiệm vụ chủ yếu là xoá bỏ nghèo nàn như một yêu cầu không thể thiếu được cho sự phát triển bền vững để giảm những sự chênh lệch về mức sống và để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu của đại đa số nhân dân trên thế giới.

Nguyên tắc 6

Chúng ta cần dành sự ưu tiên đặc biệt cho tình hình và những nhu cầu đặc biệt của các nước đang phát triển, nhất là những nước phát triển kém nhất và những nước dễ bị tổn hại về môi trường. Những hoạt động quốc tế trong lĩnh vực môi trường và phát triển cũng cần chú ý đến những quyền lợi và nhu cầu của tất cả các nước.

Nguyên tắc 7

Các quốc gia cần hợp tác trong tinh thần hợp tác toàn cầu để gìn giữ, bảo vệ và phục hồi sự lành mạnh và tính toàn vẹn của hệ sinh thái trái đất. Vì sự tác động khác nhau vào việc làm suy thoái môi trường toàn cầu, các quốc gia có những trách nhiệm chung nhưng khác biệt nhau. Các nước phát triển thừa nhận trách nhiệm của họ trong việc truy cứu của quốc tế về sự phát triển lâu bền do những áp lực mà xã hội của họ gây cho môi trường toàn cầu và do những công nghệ và những nguồn tài chính họ chi phối.

Nguyên tắc 8

Để đạt được sự phát triển bền vững và một chất lượng cuộc sống cao hơn cho mọi người, các quốc gia nên giảm dần và loại trừ những phương thức không bền vững trong sản xuất và tiêu dùng và đẩy mạnh những chính sách dân số thích hợp.

Nguyên tắc 9

Các quốc gia nên hợp tác để củng cố xây dựng năng lực nội tại cho sự phát triển lâu bền bằng cách nâng cao sự hiểu biết khoa học thông qua trao đổi kiến thức khoa học và công nghệ, và bằng cách đẩy mạnh sự phát triển, thích nghi, truyền bá và chuyển giao công nghệ, kể cả những công nghệ mới và được cải tiến.

Nguyên tắc 10

Những vấn đề môi trường được giải quyết tốt nhất với sự tham gia của các công dân quan tâm ở cấp độ thích hợp. Ở cấp độ quốc gia, mỗi cá nhân sẽ có quyền được thông tin thích hợp liên quan đến môi trường do các nhà chức trách nắm giữ, bao gồm thông tin về những nguyên liệu và hoạt động nguy hiểm trong cộng đồng, và cơ hội tham gia vào những quá trình quyết định. Các quốc gia cần tạo điều kiện, khuyến khích nhận thức và sự tham gia của nhân dân bằng cách phổ biến thông tin rộng rãi. Nhân dân cần được tạo điều kiện tiếp cận có hiệu quả với những văn bản luật pháp và hành chính kể cả các văn bản đã được bổ sung và sửa chữa.

Nguyên tắc 11

Các quốc gia cần ban hành luật pháp hữu hiệu về môi trường, những tiêu chuẩn môi trường, những mục tiêu quản lý và những ưu tiên phải phản ánh hiện trạng môi trường và phát triển mà chúng đề cập đến. Những tiêu chuẩn mà một vài nước áp dụng có thể không phù hợp và gây tổn phí về kinh tế và xã hội không biện minh được cho các nước khác, nhất là các nước đang phát triển.

Nguyên tắc 12

Các nước nên hợp tác để phát huy một hệ thống kinh tế thế giới mở và giúp đỡ lẫn nhau dẫn đến sự phát triển kinh tế và phát triển bền vững ở tất cả các nước, để nhằm đúng hơn vào những vấn đề suy thoái môi trường. Những biện pháp chính sách về thương mại với những mục đích môi trường không nên trở thành phương tiện phân biệt đối xử độc đoán hay vô lý hoặc một sự ngăn cản trá hình đối với thương mại quốc tế. Cần tránh những hoạt động đơn phương để giải quyết những vấn đề môi trường ngoài phạm vi quyền hạn của nước nhập khẩu. Những biện pháp môi trường nhằm giải quyết những vấn đề môi trường ngoài biên giới hay toàn cầu cần dựa trên sự nhất trí quốc tế cao nhất có thể đạt được.

Nguyên tắc 13

Các nước cần soạn thảo luật quốc gia liên quan trách nhiệm pháp lý và bồi thường cho những nạn nhân của sự ô nhiễm và tác hại môi trường khác. Các quốc gia cũng cần hợp tác một cách khẩn trương và kiên quyết hơn để phát triển hơn nữa luật quốc gia về trách nhiệm pháp lý và bồi thường về những tác hại môi trường do những hoạt động trong phạm vi quyền hạn hay kiểm soát của họ gây ra cho những vùng ngoài phạm vi quyền hạn của họ.

Nguyên tắc 14

Các quốc gia nên hợp tác một cách có hiệu quả để ngăn cản sự chuyển giao cho các quốc gia khác bất cứ một hoạt động nào và một chất nào gây nên sự suy thoái môi trường nghiêm trọng hoặc xét thấy có hại cho sức khỏe con người.

Nguyên tắc 15

Để bảo vệ môi trường, các quốc gia cần áp dụng rộng rãi phương pháp tiếp cận phòng ngừa tùy theo khả năng từng quốc gia. Ở chỗ nào có nguy cơ tác hại nghiêm trọng hay không thể sửa được, thì không thể nêu lý do là thiếu sự chắc chắn khoa học hoàn toàn để trì hoãn áp dụng các biện pháp có lợi để ngăn chặn sự thoái hoá môi trường.

Nguyên tắc 16

Các nhà chức trách quốc gia nên cố gắng đẩy mạnh sự quốc tế hoá những chi phí môi trường và sự sử dụng các biện pháp kinh tế, cần cứ vào quan điểm cho rằng về nguyên tắc người gây ô nhiễm phải chịu phí tổn ô nhiễm, với sự quan tâm đúng mức đối với quyền lợi chung và không ảnh hưởng xấu đến nền thương mại và đầu tư quốc tế.

Nguyên tắc 17

Đánh giá tác động môi trường như một công cụ quốc gia cần phải được tiến hành đối với những hoạt động có thể gây tác động xấu đối với môi trường và là đối tượng quyết định của một cơ quan quốc gia có thẩm quyền.

Nguyên tắc 18

Các quốc gia cần thông báo ngay cho các quốc gia khác về bất cứ một thiên tai nào hay tình hình khẩn cấp nào có thể gây những tác hại đột ngột đối với môi trường của các nước đó. Cộng đồng quốc tế phải ra sức giúp các quốc gia bị tai họa này.

Nguyên tắc 19

Các quốc gia cần thông báo trước và kịp thời và cung cấp thông tin có liên quan cho các quốc gia có khả năng bị ảnh hưởng về những hoạt động có thể gây tác động xấu đáng kể đến môi trường vượt ra ngoài biên giới và cần tham khảo ý kiến của các quốc gia này sớm và với thiện ý tốt.

Nguyên tắc 20

Phụ nữ có một vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển môi trường. Do đó việc họ tham gia đầy đủ là cần thiết để đạt được sự phát triển bền vững.

Nguyên tắc 21

Cần huy động tinh sáng tạo, những lý tưởng và sự can đảm của thanh niên thế giới để tạo nên sự hợp tác toàn cầu để đạt được sự phát triển lâu bền và đảm bảo một tương lai tốt hơn cho tất cả mọi người.

Nguyên tắc 22

Nhân dân sở tại và những cộng đồng của họ và các cộng đồng khác ở địa phương có vai trò quan trọng trong quản lý và phát triển môi trường vì sự hiểu biết và tập tục truyền thống của họ. Các quốc gia nên công nhận và ủng hộ thích đáng bản sắc, văn hoá và những mối quan tâm của họ, khiến họ tham gia có hiệu quả vào việc thực hiện sự phát triển lâu bền.

Nguyên tắc 23

Môi trường và tài nguyên thiên nhiên của các dân tộc bị áp bức, bị thống trị và bị chiếm đóng cần phải được bảo vệ.

Nguyên tắc 24

Chiến tranh vốn dĩ là phá hoại sự phát triển lâu bền. Do đó, các quốc gia cần phải tôn trọng luật pháp quốc tế về bảo vệ môi trường trong thời gian có xung đột vũ trang và hợp tác để phát triển môi trường sau chiến tranh, nếu cần thiết.

Nguyên tắc 25

Hoà bình, phát triển và sự bảo vệ môi trường phụ thuộc nhau và không thể tách rời được.

Nguyên tắc 26

Các quốc gia cần giải quyết mọi bất hoà về môi trường một cách hoà bình và bằng những biện pháp thích hợp theo hiến chương Liên hợp quốc.

Nguyên tắc 27

Các quốc gia và dân tộc cần hợp tác có thiện ý và với tinh thần hợp tác trong việc thực hiện các nguyên tắc đã thể hiện trong bản tuyên bố này và trong sự phát triển hơn nữa luật pháp quốc tế trong lĩnh vực phát triển bền vững.

A.2 Văn phòng Thương mại Quốc tế (ICC)

Hiến chương Thương mại về sự phát triển bền vững

1 Sự ưu tiên

Công nhận việc quản lý môi trường như là một trong số các ưu tiên cao nhất và như là một yếu tố xác định chủ yếu đối với sự phát triển bền vững, thiết lập các chính sách, chương trình và phương pháp thực hành nhằm tiến hành các hoạt động theo một cách thức hợp lý về mặt môi trường.

2 Quản lý tổng thể

Tổng hợp các chính sách, chương trình và quy tắc này một cách đầy đủ vào trong từng hoạt động thương mại như là một yếu tố cơ bản của quản lý.

3 Quá trình cải tiến

Tiếp tục cải tiến các chính sách, chương trình và hiệu quả môi trường, có tính đến các phát triển kỹ thuật, kiến thức khoa học, nhu cầu của người tiêu dùng và sự mong đợi của cả cộng đồng, cùng với các quy định pháp lý như là xuất phát điểm; và áp dụng cùng một chuẩn cứ môi trường cho khắp toàn thế giới.

4 Giáo dục nhân viên

Giáo dục, đào tạo và khuyến khích nhân viên tiến hành các hoạt động của họ theo cách thức có trách nhiệm với môi trường.

5 Đánh giá bước đầu

Đánh giá các tác động môi trường trước lúc bắt đầu một hoạt động mới hoặc một dự án mới và trước khi thanh lý một phương tiện hoặc dời bỏ một địa điểm kinh doanh.

6 Sản phẩm hoặc dịch vụ

Phát triển và cung cấp các sản phẩm hay dịch vụ không gây ra các ảnh hưởng môi trường thái quá và an toàn trong khi sử dụng, hiệu quả trong khâu tiêu hao năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, có thể tái chế, tái sử dụng hoặc thải bỏ an toàn.

7 Tư vấn cho người tiêu dùng

Tư vấn và cả giáo dục khi cần cho người tiêu dùng, cho nhà phân phối, công chúng về an toàn trong sử dụng, vận chuyển, bảo quản và thải bỏ với những sản phẩm đã được cung cấp; và áp dụng những xem xét tương ứng với các điều khoản của dịch vụ.

8 Phương tiện và vận hành

Triển khai, thiết kế và vận hành các phương tiện và tiến hành các hoạt động phải tính đến sự sử dụng có hiệu quả năng lượng, vật liệu, sử dụng lâu dài các nguồn tài nguyên có thể tái phục hồi, giảm thiểu các tác động môi trường bất lợi và chất thải, thải bỏ một cách có trách nhiệm và an toàn các cặn thải.

9 Nghiên cứu

Tiến hành hoặc trợ giúp việc nghiên cứu về các tác động môi trường của nguyên liệu, sản phẩm, quá trình, sự phát thải và chất thải liên quan đến xí nghiệp và giảm bớt các tác động bất lợi đó.

10 Phòng ngừa

Thay đổi sản xuất, tiếp thị hoặc sử dụng sản phẩm hay dịch vụ hoặc tiến hành các hoạt động, phù hợp với kiến thức khoa học – kỹ thuật, nhằm ngăn ngừa sự suy thoái môi trường nghiêm trọng hoặc không thể khắc phục được.

11 Nhà thầu hoặc nhà cung cấp

Thúc đẩy các nhà thầu thay mặt cho xí nghiệp chấp nhận các nguyên tắc của bản hiến chương này, khuyến khích, và khi cần thiết, thì yêu cầu có sự cải tiến trong các phương pháp thực hành của mình nhằm làm cho các phương pháp đó phù hợp với xí nghiệp; và khuyến khích các nhà cung cấp chấp nhận một cách rộng rãi hơn nữa các nguyên tắc đó.

12 Ứng phó với tình trạng khẩn cấp

Triển khai và duy trì, nơi có các độc hại đáng kể, các phương án hành động khẩn cấp kết hợp với các dịch vụ cứu nạn, với các nhà đương cục tương ứng và cộng đồng dân cư tại chỗ, nhìn nhận các tác động tiềm ẩn vượt ra ngoài biên giới.

13 Chuyển giao công nghệ

Đóng góp cho việc chuyển giao công nghệ và các phương pháp quản lý hợp lý về mặt môi trường thông qua các ngành công nghiệp và cộng đồng.

14 Đóng góp cho hiệu quả chung

Đóng góp cho sự phát triển của chính sách công cộng và thương mại, cho các chương trình của chính phủ và liên chính phủ và cho các sáng kiến trong giáo dục về việc nâng cao nhận thức về môi trường và bảo vệ môi trường.

15 Tính công khai đối với các mối quan tâm

Đẩy mạnh tính công khai và đối thoại với nhân viên và công chúng, báo trước và đáp ứng sự quan tâm của họ về các mối nguy hiểm tiềm ẩn và các tác động của sự vận hành, của sản phẩm, chất thải hoặc của dịch vụ, bao gồm cả những tác động đáng kể vượt qua biên giới hoặc toàn cầu.

16 Sự tuân thủ và báo cáo

Đo kết quả hoạt động môi trường, tiến hành thường xuyên các cuộc đánh giá môi trường và đánh giá sự tuân thủ với các yêu cầu của công ty, của pháp lý và những nguyên tắc của bản hiến chương này; và định kỳ cung cấp những thông tin thích hợp cho Ban Giám đốc, cho các cổ đông, cho các nhân viên, nhà đương cục và cho công chúng.

Phụ lục B
(Tham khảo)

Tài liệu tham khảo

- [1] TCVN ISO 14001 : 1997 Hệ thống quản lý môi trường – Quy định với hướng dẫn sử dụng.
 - [2] TCVN ISO 14010 : 1996 Hướng dẫn đánh giá môi trường – Các Nguyên tắc chung.
 - [3] TCVN ISO 14011 : 1996 Hướng dẫn đánh giá môi trường – Thủ tục đánh giá – Đánh giá hệ thống quản lý môi trường.
 - [4] TCVN ISO 14012 : 1996 Hướng dẫn đánh giá môi trường – Chuẩn cứ về chuyên môn đối với chuyên gia đánh giá.
-